TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NINH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01- 8 - 2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Văn Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Vũ Lập
Bà Lê Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà Nguyễn Thị T -sinh năm: 1981;

Trú tại: Số 154 thôn T, xã D Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm M -sinh năm: 1976;

Trú tại: thôn Đ X, xã N T, thị xã N H, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, tại các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà(T) và ông Phạm M chung sống và tự nguyện kết hôn tại UBND xã D Đ, huyện D năm 2014. Chúng tôi có 01 con chung là Phạm Cát Tường V- sinh ngày: 19/11/2014. Sau khi sinh con thì cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tôi cố gắng chia sẽ để vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng không thể chia sẽ được nên từ đầu năm 2015 đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh M. Về con chung, tôi yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh M cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng, bắt đầu từ ngày 10 hàng tháng. Về tài sản chung không có và không có nợ chung.

- Bị đơn ông Phạm M trình bày: Tôi (M) thống nhất với lời khai của bà T về thời gian kết hôn và con chung là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đôi lúc có mâu thuẫn, cải nhau nhưng rồi mọi chuyện cũng qua. Đến năm 2016, bà T đuổi tôi ra khỏi nhà và từ đó đến nay mạnh ai nấy sống. Tôi xác định tình cảm vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung, nếu

phải ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con chung Phạm Cát Tường V - sinh ngày: 19/11/2014, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Xác định đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn, con chung nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp sơ thẩm.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2014 ngày 27/5/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị T cho rằng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên không hàn gắn lại được và không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay. Nên bà Nguyễn Thị T cho rằng tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Phạm M không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên xin được ly hôn với ông Phạm M. Ông Phạm M không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và thương con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm M là có, vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay nên tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn ông Phạm Mạnh là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

1.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phạm M có 01 con chung là Phạm Cát Tường V -sinh ngày 19/11/2014. Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm M đều yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Cát Tường V. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Phạm Cát Tường V -sinh ngày 19/11/2014 còn nhỏ, hiện đang bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng và cháu V là con gái cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, giao cháu Phạm Cát Tường V cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Phạm M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng, bắt đầu từ tháng 08/2017 trở đi cho đến khi cháu Phạm Cát Tường V đủ 18 tuổi xét thấy phù hợp nên chấp nhận và buộc ông Phạm M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ(một triệu đồng). Ông Phạm M được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Ông Phạm M phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Cát Tường V cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông M cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng, bắt đầu từ tháng 07/2017 trở đi cho đến khi cháu Phạm Cát Tường V đủ 18 tuổi. Ông Phạm M được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013460 ngày 12/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm M phải nộp 300.000đ(ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: *Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường D Đ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Hải